

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024
(báo cáo tự lập)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ đã được soát xét	04-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất Q2 và giữa niên độ	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Q2 và giữa niên độ	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Q2 và giữa niên độ	07-08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ	09-42

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 02/07/2024 Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 02/07/2024
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/07/2024
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/07/2024

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.293.358.601.095	1.125.007.425.186
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.591.210.345	17.925.609.914
111	1. Tiền		8.591.210.345	17.925.609.914
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	66.233.739.726	22.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		66.233.739.726	22.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		673.840.453.659	674.861.964.961
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	499.383.748.161	498.822.066.903
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	133.982.592.704	129.256.146.405
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.474.112.794	46.783.751.653
140	IV. Hàng tồn kho	8	504.201.404.656	389.075.060.479
141	1. Hàng tồn kho		504.201.404.656	389.075.060.479
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.491.792.709	20.644.789.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	10.629.973.886	5.605.632.347
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.861.818.823	15.039.157.485
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		652.400.931.698	556.632.994.621
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.917.208.607	2.611.386.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.917.208.607	2.611.386.300
220	II. Tài sản cố định		296.125.301.560	331.159.409.367
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	175.636.527.590	232.046.840.562
222	- Nguyên giá		552.398.976.681	623.597.971.567
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(376.762.449.091)	(391.551.131.005)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	56.693.785.898	34.315.050.213
225	- Nguyên giá		79.044.870.739	52.411.322.590
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.351.084.841)	(18.096.272.377)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	63.794.988.072	64.797.518.592
228	- Nguyên giá		68.204.471.219	68.204.471.219
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.409.483.147)	(3.406.952.627)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	166.404.569.861	38.931.017.089
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		166.404.569.861	38.931.017.089
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	123.719.162.898	114.999.404.677
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		120.219.162.898	111.499.404.677
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	3.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		62.234.688.772	68.931.777.188
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	54.836.651.300	61.071.362.374
269	2. Lợi thế thương mại		7.398.037.472	7.860.414.814
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.945.759.532.793	1.681.640.419.807

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.170.801.820.497	951.756.693.817
310	I. Nợ ngắn hạn		1.094.792.716.541	913.629.200.758
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	276.537.626.923	206.915.812.157
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	63.645.963.419	65.450.116.839
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	12.452.582.358	21.981.942.951
314	4. Phải trả người lao động		11.062.700.536	13.764.330.068
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	20.585.769.039	11.650.121.353
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	12.598.098.998	12.588.153.990
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	697.289.235.107	580.657.983.239
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		76.009.103.956	38.127.493.059
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	1.000.000.000	1.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	61.545.337.103	23.452.484.170
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		13.463.766.853	13.675.008.889
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		774.957.712.296	729.883.725.990
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	774.957.712.296	729.883.725.990
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.010.480.000	40.010.480.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		263.411.033.441	218.347.257.811
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		218.347.257.811	116.892.000.034
421b	LNST chưa phân phối năm nay		45.063.775.630	101.455.257.777
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		21.536.198.855	21.525.988.179
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.945.759.532.793	1.681.640.419.807


Nguyễn Minh Tấn
Người lập


Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc



Đồng Nai, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	429.805.186.291	323.889.456.579	808.844.844.986	559.806.353.583
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	-	-	-
-	- Giảm giá hàng bán	-	-	-	231	36.538.040
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	429.805.186.291	323.889.456.579	808.844.844.755	559.769.815.543
11	4. Giá vốn hàng bán	24	353.316.265.498	254.949.574.079	665.074.265.394	442.131.320.601
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	76.488.920.793	68.939.882.500	143.770.579.361	117.638.494.942
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	905.445.746	3.211.653.750	3.118.790.248	3.882.598.969
22	7. Chi phí tài chính	26	11.901.513.539	13.224.994.799	27.241.917.812	22.944.802.367
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	-	12.361.177.626	11.123.352.046	26.781.802.620	20.634.088.347
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	8.719.758.221	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	19.613.944.071	21.164.672.786	38.034.382.780	33.951.744.284
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	14.980.728.990	17.121.648.405	30.621.779.238	31.770.973.513
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	35.373.232.891	20.640.220.260	59.711.048.000	32.853.573.747
31	12. Thu nhập khác	29	(24.200.478.002)	55.006.567	262.823.504	55.006.703
32	13. Chi phí khác	30	(21.006.206.492)	(177.759.112)	3.501.254.074	63.182.660
40	14. Lợi nhuận khác	-	(3.194.271.510)	232.765.679	(3.238.430.570)	(8.175.957)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	32.178.961.381	20.872.985.939	56.472.617.430	32.845.397.790
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	6.208.088.730	4.644.648.102	11.609.873.160	7.098.982.000
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(105.621.018)	(105.621.018)	(211.242.036)	(211.242.036)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	26.076.493.669	16.333.958.855	45.073.986.306	25.957.657.826
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	-	27.128.542.855	(6.208.344.617)	45.734.085.263	3.166.182.795
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	-	(381.739.553)	302.058.952	10.210.676	551.230.511

Nguyễn Minh Tấn

Người lập

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Loan

Kế toán trưởng

Trương Văn Việt

Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		56.472.617.430	32.845.397.790
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.260.775.902	17.890.519.798
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.945.491.846)	520.902.009
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.795.744.900)	(1.711.263.449)
06	- Chi phí lãi vay		26.781.802.620	20.634.088.347
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		89.773.959.206	70.179.644.495
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.277.652.512)	(42.796.618.728)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(115.126.344.177)	(67.132.133.190)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		74.191.424.882	59.285.129.021
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.210.369.535	7.544.873.713
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.882.589.608)	(20.622.772.580)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.205.758.029)	(13.544.170.553)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.316.590.703)	(7.086.047.822)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(138.348.357.667)	(53.873.894.694)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		51.734.338.021	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.733.739.726)	(3.002.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		727.139.957	1.681.652.492
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(129.620.619.415)	(55.194.242.202)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	6.274.620.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		625.386.470.922	441.049.186.624
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(480.706.280.833)	(384.346.523.425)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(14.084.016.283)	(23.814.606.363)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		130.596.173.806	39.162.676.836

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.341.036.312)	(23.117.613.188)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.925.609.914	70.332.377.560
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.636.743	2.166.938
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>8.591.210.345</u>	<u>47.216.931.310</u>

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 672 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 624 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong 06T đầu năm 2024, mặc dù là năm khó khăn về kinh tế tuy nhiên công ty đã tăng hơn 44% doanh thu, trong 06T đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái, do thành công trong việc đa dạng hóa mô hình kinh doanh giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh, và phát triển kinh doanh thương mại với lợi thế về bộ danh mục khách hàng lớn và ổn định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang)	KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	88,17%	88,17%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: xem chi tiết tại Thuyết minh số 2.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh” và “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Giảm giá hàng bán .

Giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá cuối năm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	3.251.614.097	8.055.975.918
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.339.596.248	9.869.633.996
	8.591.210.345	17.925.609.914

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Đường số 8, KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhom Trạch, Đồng Nai

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	66.233.739.726	-	22.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	66.233.739.726	-	22.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Trái phiếu (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
	69.733.739.726	-	26.000.000.000	-

(1) Tại ngày 30/06/2024, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 41.082.739.726 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất, ngân hàng TMCP Thịnh Vương Và Phát triển-Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định với lãi suất từ 3,6%/năm đến 6,6 %/năm.

(2) Tại ngày 30/06/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 VND và do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2024				01/01/2024			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết				120.219.162.898				111.499.404.677
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45%	45%	120.219.162.898	Đồng Nai	45%	45%	111.499.404.677
				120.219.162.898				111.499.404.677

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 38.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	54.523.512.721	-	122.264.955.575	-
Công ty Cổ phần Vinagres	29.667.653.158	-	62.383.081.413	-
Royal American Wholesale	2.330.733.694	-	4.023.230.078	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	791.352.871	-	11.237.603.413	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-	452.710.954	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	3.409.371.209	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Ốp lát Hoàng Gia	11.219.216.512	-	31.837.776.254	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	7.105.185.277	-	12.330.553.463	-
<i>Bên khác</i>	444.860.235.440	-	376.557.111.328	-
Công ty Cổ phần Top Tile	116.109.813.277	-	71.228.642.789	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	51.534.613.696	-	53.429.540.289	-
Rc Flooring Distributor	23.267.627.992	-	25.791.429.775	-
Care About Trading Co., Ltd	31.197.886.028	-	27.684.519.767	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	27.423.954.045	-	22.537.589.545	-
New Pacific Marble & Title	25.149.244.818	-	23.985.205.477	-
Các khách hàng khác	170.177.095.584	-	151.900.183.686	-
	499.383.748.161	-	498.822.066.903	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	33.436.079.797	-	57.213.530.938	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	32.291.920.488	-	36.947.386.029	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Ôp lát Hoàng Gia	1.144.159.309	-	20.266.144.909	-
Bên khác	100.546.512.907	-	72.042.615.467	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6.895.833.094	-	8.282.180.860	-
Công Ty TNHH MTV Trang Minh Anh	4.941.943.291	-	8.356.790.228	-
Forwell International (HK) Co,Ltd	46.053.863.911	-	1.897.657.722	-
SACMI IMONA S.C	-	-	36.679.496.400	-
Trả trước cho người bán khác	42.654.872.611	-	16.826.490.257	-
	133.982.592.704	-	129.256.146.405	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.507.816	-	240.408.906	-
Tạm ứng	490.641.594	-	87.768.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	420.000.000	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (1)(2)	36.000.000.000	-	44.300.000.000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	1.471.558.855	-	1.714.971.945	-
Phải thu khác	2.125.404.529	-	20.602.802	-
	40.474.112.794	-	46.783.751.653	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

a2) Chi tiết theo đối tượng				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6.000.000.000	-	14.300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	1.425.666.769	-	1.714.971.945	-
Các đối tượng khác	3.002.553.939	-	768.779.708	-
	40.474.112.794	-	46.783.751.653	-
b) Dài hạn				
b1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	3.917.208.607	-	2.611.386.300	-
	3.917.208.607	-	2.611.386.300	-
b2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	1.475.101.000	-	2.611.386.300	-
	2.442.107.607	-	-	-
	3.917.208.607	-	2.611.386.300	-

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND. Ông Huỳnh Sơn Tùng đã thực hiện mua xong lô đất và đang trong quá trình xin giấy phép xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

(2) Khoản thỏa thuận và giao việc cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo biên bản thỏa thuận số 06/HGK-NTBT/BBTT ngày 31/05/2022 về việc bà Nguyễn Thị Bích Trâm chủ sở hữu Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 43, phường Trường Thạnh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án Văn phòng showroom Hoàng Gia Khang. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 6 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 8,3 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 6 tỷ VND. Bà Trâm đã thực hiện mua xong lô đất và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	69.174.450	-	56.332.198	-
Nguyên liệu, vật liệu	41.378.464.347	-	41.815.541.535	-
Công cụ, dụng cụ	11.943.151.723	-	19.816.892.952	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.409.429.945	-	4.801.829.738	-
Thành phẩm	242.726.225.987	-	243.000.444.063	-
Hàng hoá	201.988.074.127	-	78.740.533.911	-
Hàng gửi đi bán	1.686.884.077	-	843.486.082	-
	504.201.404.656	-	389.075.060.479	-

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	166.404.569.861	38.931.017.089
- Thi công hệ thống bù gạch đầu lò nung	-	2.212.472.082
- Hệ Thống Báo cháy	-	101.862.000
- Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0(*)	165.584.569.861	36.616.683.007
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	820.000.000	-
	166.404.569.861	38.931.017.089

(*) Thông tin về dự án:

- Địa điểm xây dựng: Đường Số 8, KCN Nhơn Trạch II, Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch Đồng Nai;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất gạch Porcelain tấm lớn, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu Tư Royal Sintered Stone(Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang);
- Quy mô của dự án: diện tích khoảng 32.000 m2;
- Tổng mức đầu tư: 920.160.000.000 đồng;
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến Tháng 8/2024 sẽ hoàn thành xong;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2024: đang trong quá trình xây dựng Nhà máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhom Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ

cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu kỳ	140.928.676.166	462.320.179.695	14.006.365.191	3.198.480.480	3.144.270.035	623.597.971.567						
- Mua trong kỳ	-	531.925.651	-	82.944.469	-	614.870.120						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.047.462.693	-	-	-	-	8.047.462.693						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(79.861.327.699)	-	-	-	(79.861.327.699)						
Số dư cuối kỳ	148.976.138.859	382.990.777.647	14.006.365.191	3.281.424.949	3.144.270.035	552.398.976.681						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu kỳ	83.814.846.236	295.305.699.108	9.453.617.660	2.484.132.004	492.835.997	391.551.131.005						
- Khấu hao trong kỳ	2.378.626.329	10.091.592.925	781.126.627	132.496.194	157.213.501	13.541.055.576						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(28.329.737.490)	-	-	-	(28.329.737.490)						
Số dư cuối kỳ	86.193.472.565	277.067.554.543	10.234.744.287	2.616.628.198	650.049.498	376.762.449.091						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu kỳ	57.113.829.930	167.014.480.587	4.552.747.531	714.348.476	2.651.434.038	232.046.840.562						
Tại ngày cuối kỳ	62.782.666.294	105.923.223.104	3.771.620.904	664.796.751	2.494.220.537	175.636.527.590						

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	51.744.438.045	666.884.545	52.411.322.590
- Thuê tài chính	26.633.548.149	-	26.633.548.149
Số dư cuối kỳ	78.377.986.194	666.884.545	79.044.870.739
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	17.999.018.381	97.253.996	18.096.272.377
- Trích khấu hao	4.213.132.180	41.680.284	4.254.812.464
Số dư cuối kỳ	22.212.150.561	138.934.280	22.351.084.841
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	33.745.419.664	569.630.549	34.315.050.213
Tại ngày cuối kỳ	56.165.835.633	527.950.265	56.693.785.898

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Lợi thế quyền thuê (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
Số dư cuối kỳ	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	480.255.467	2.926.697.160	3.406.952.627
- Khấu hao trong kỳ	26.964.800	975.565.720	1.002.530.520
Số dư cuối kỳ	507.220.267	3.902.262.880	4.409.483.147
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	84.992.533	64.712.526.059	64.797.518.592
Tại ngày cuối kỳ	58.027.733	63.736.960.339	63.794.988.072

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.629.973.886	5.605.632.347
	10.629.973.886	5.605.632.347
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.548.599.271	14.071.362.374
Chi phí thuê thương hiệu (*)	41.000.000.000	47.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.288.052.029	-
	54.836.651.300	61.071.362.374

(*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang là 9.247.546.839 VND được phân bổ với thời gian 10 năm. Tại ngày 30/06/2024, giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ là 7.398.037.472 VND, giá trị lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm là 462.377.342 VND.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>2.177.488.041</i>	<i>2.177.488.041</i>	<i>42.045.555.394</i>	<i>42.045.555.394</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	1.954.875.236	1.954.875.236	1.339.956.036	1.339.956.036
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	222.612.805	222.612.805	40.705.599.358	40.705.599.358
<i>Bên khác</i>	<i>274.360.138.882</i>	<i>215.164.801.617</i>	<i>164.870.256.763</i>	<i>164.870.256.763</i>
Công ty Cổ phần Frit Huế	9.121.304.110	9.121.304.110	7.713.606.810	7.713.606.810
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	-	-	322.010.644	322.010.644
Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	10.124.396.989	10.124.396.989	10.367.013.338	10.367.013.338
Công Ty Cổ phần Vật Tư Bưu Điện	7.607.100.119	7.607.100.119	10.607.100.119	10.607.100.119
SACMI IMOLA S.C	59.195.337.265	59.195.337.265	1.391.608.398	1.391.608.398
Đối tượng khác	174.860.938.429	115.665.601.164	129.793.670.001	129.793.670.001
	<u>276.537.626.923</u>	<u>217.342.289.658</u>	<u>206.915.812.157</u>	<u>206.915.812.157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	6/30/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan	12.361.904.607	7.720.727.204
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	12.361.904.607	-
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Royal House	-	7.720.727.204
Bên khác	51.284.058.812	57.729.389.635
- Công ty TNHH VINAMEN	7.647.677.321	19.034.409.871
- FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	-	1.919.877.641
- Công ty TNHH MTV Dũng Đài Loan	2.687.031.776	2.036.678.138
- Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	9.417.182.278	6.270.243.707
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	-	671.078.320
- Công Ty TNHH Hoàng Phiến	4.268.689.445	-
- Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	9.420.242.668	4.875.750.694
- Các đối tượng khác	17.843.235.324	22.921.351.264
	63.645.963.419	65.450.116.839

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
					VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	60.200.242.539	60.200.242.539	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	8.671.485.066	8.671.485.066	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	21.370.585.921	11.609.873.160	21.205.758.029	-	-	11.774.701.052	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	200.228.996	1.597.022.567	1.120.195.257	-	-	677.056.306	-
Các loại thuế khác	-	411.128.034	148.385.798	559.513.832	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	706.762.024	705.937.024	-	-	825.000	-
	-	21.981.942.951	82.933.771.154	92.463.131.747	-	-	12.452.582.358	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	665.269.074	766.056.062
- Trích trước chi phí tiền điện	1.888.615.600	1.154.483.575
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	14.300.403.849	8.029.596.096
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	1.358.688.702	1.405.249.976
- Trích trước chi tiền thuê đất	2.372.791.814	-
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	-	294.735.644
	<u>20.585.769.039</u>	<u>11.650.121.353</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	5.735.714.102	5.627.400.302
- Bảo hiểm xã hội	931.811.808	624.243.311
- Bảo hiểm thất nghiệp	44.771.145	-
- Khoản mượn tiền (*)	2.674.085.140	5.216.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.211.716.803	1.120.510.377
	<u>12.598.098.998</u>	<u>12.588.153.990</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Cán bộ Công nhân viên	899.628.655	782.639.100
- Công ty TNHH Top Tile (*)	2.674.085.140	2.216.000.000
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	3.000.000.000
- Công đoàn cấp cơ sở	5.735.714.102	5.627.400.302
- Các đối tượng khác	3.288.671.101	962.114.588
	<u>12.598.098.998</u>	<u>12.588.153.990</u>

(*) Khoản tiền mượn Công ty TNHH Top Tile theo hợp đồng 01/2021/HĐMT ký ngày 01/05/2021, kỳ hạn: không xác định, lãi suất 0%/năm, mục đích: bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Dài hạn**b1) Chi tiết theo nội dung**

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

b2) Chi tiết theo đối tượng

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Nhật	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	574.459.278.189	574.459.278.189	598.007.830.359	480.999.425.905	691.467.682.643	691.467.682.643
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	154.218.197.556	154.218.197.556	135.062.434.058	134.061.341.550	155.219.290.064	155.219.290.064
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai (2)	95.625.598.384	95.625.598.384	104.257.014.132	89.965.685.829	109.916.926.687	109.916.926.687
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất (3)	143.742.126.440	143.742.126.440	94.507.126.908	89.075.694.680	149.173.558.668	149.173.558.668
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vương Và Phát Triển-Chi nhánh Vũng Tàu (4)	79.505.262.809	79.505.262.809	140.928.340.288	94.628.534.371	125.805.068.726	125.805.068.726
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (5)	59.968.169.475	59.968.169.475	73.252.970.712	73.268.169.475	59.952.970.712	59.952.970.712
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (6)	41.399.923.525	41.399.923.525	-	-	41.399.923.525	41.399.923.525
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (7)	-	-	49.999.944.261	-	49.999.944.261	49.999.944.261
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.198.705.050	6.198.705.050	5.821.552.464	6.198.705.050	5.821.552.464	5.821.552.464
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (8)	6.198.705.050	6.198.705.050	5.821.552.464	6.198.705.050	5.821.552.464	5.821.552.464
	580.657.983.239	580.657.983.239	603.829.382.823	487.198.130.955	697.289.235.107	697.289.235.107

b) Vay dài hạn								
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (8)	19.301.304.478	19.301.304.478	24.421.076.067	14.084.016.283	29.638.364.262	29.638.364.262		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (9)	10.349.884.742	10.349.884.742	27.378.640.563	-	37.728.525.305	37.728.525.305		
	29.651.189.220	29.651.189.220	51.799.716.630	14.084.016.283	67.366.889.567	67.366.889.567		
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.198.705.050)	(6.198.705.050)	(5.821.552.464)	(6.198.705.050)	(5.821.552.464)	(5.821.552.464)		
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	23.452.484.170	23.452.484.170			61.545.337.103	61.545.337.103		

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhom Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/06/2024 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 30/06/2024 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia								
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa				155.219.290.064				
08/2023- HĐCVHM/NHCT 682- HOANGGIA	21/08/2023	150.000.000.000	155.219.290.064 VND	155.219.290.064	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp bao gồm MMTB, NCVKT, TSK khác với tổng giá trị còn lại là 108,6 tỷ VND
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai				109.916.926.687				
202025393705	13/03/2024	110.000.000.000	42.996.462.877 VND và 2.627.423 USD	109.916.926.687	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 64 tỷ VND
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất				149.173.558.668				
01/2023/7856791/ /HĐTD	29/06/2023	150.000.000.000	111.984.302.268 VND và 1.460.120 USD	149.173.558.668	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp gồm các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu với tổng giá trị 17,5 tỷ và tài sản gồm MMTB và PTVT với tổng giá trị 63,3 tỷ VND
(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu				125.805.068.726				
510.30417/2023/ HĐTDHM- DN/PGBank VT	11/08/2023	100.000.000.000	120.496.108.294 VND và 208.439,75 USD	125.805.068.726	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 50,3 tỷ VND
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Đồng Nai				59.952.970.712				
2023067/HDHM/ QLN	20/07/2023	60.000.000.000	59.952.970.712 VND	59.952.970.712	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội- Chi nhánh Gia Định				49.999.944.261				
164898.23.109.82 8327.TD	24/11/2023	55.000.000.000	49.999.944.261 VND	49.999.944.261	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu Tư Royal Sintered Stone**

(7) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Gia Định		41.399.923.525	
210711.24.220.32	16/05/2024	100.000.000.000	41.399.923.525 VND
929618.TD			

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(8) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL01020200901	23/09/2020	2.275.673.400	281.400.450	281.400.450	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL01020201101	09/11/2020	3.588.315.500	897.079.100	448.539.400	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL01020210302	25/03/2021	2.472.714.300	618.179.100	309.089.200	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)
SBL01020221004	28/10/2022	584.800.000	365.500.000	73.100.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL01020220806	31/08/2022	6.821.071.780	4.948.886.900	899.797.600	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10/03/2023	4.549.159.200	1.534.955.200	255.826.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo):

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(8) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL01020230703 9	01/08/2023	2.361.051.828	1.537.656.128	219.665.200	Đầu tư hệ thống bù gạch nhân hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhân hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL01020231103 3	21/11/2023	1.078.707.101	707.901.200	101.128.800	Đầu tư máy làm mát gạch sđ trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sđ trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy
CP-CILC00102.2024	14/03/2024	14.652.645.640	13.757.206.184	2.401.405.814	Máy móc thiết bị xường GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xường GTT2 - Hoàng Gia
SBL01020230102 5	31/01/2023	8.962.800.000	4.989.600.000	831.600.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu Tư Royal Sintered Stone								
(9) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa				37.728.525.305				
08/2023-HDCVDADT/NHCT682-HGK	06/09/2023	400.000.000.000	37.728.525.305 VND	37.728.525.305	Dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0	12 năm	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
		VND		VND		VND		VND		VND
Số dư đầu năm trước		360.000.000.000		-		116.892.000.034		12.063.555.528		488.955.555.562
Tăng vốn trong kỳ trước		-		-		-		6.274.620.000		6.274.620.000
Lãi trong kỳ trước		-		-		25.406.427.315		551.230.511		25.957.657.826
Số dư cuối kỳ trước		360.000.000.000		-		142.298.427.349		18.889.406.039		521.187.833.388
Số dư đầu năm nay		450.000.000.000		40.010.480.000		218.347.257.811		21.525.988.179		729.883.725.990
Lãi trong kỳ này		-		-		45.063.775.630		10.210.676		45.073.986.306
Số dư cuối kỳ này		450.000.000.000		40.010.480.000		263.411.033.441		21.536.198.855		774.957.712.296

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ		Tỷ lệ	
		VND		VND				
Ông Đinh Việt Anh		93.600.000.000		93.600.000.000	20,80%		20,80%	
Bà Lê Thị Vi Na		88.740.000.000		88.740.000.000	19,72%		19,72%	
Bà Nguyễn Thị Lê		67.860.000.000		67.860.000.000	15,08%		15,08%	
Ông Huỳnh Quang Báo		16.200.000.000		16.200.000.000	3,60%		3,60%	
Ông Trương Văn Việt		3.930.000.000		3.930.000.000	0,87%		0,87%	
Các cổ đông khác		179.670.000.000		179.670.000.000	39,93%		39,93%	
		450.000.000.000		450.000.000.000	100%		100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	450.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	450.000.000.000	360.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê 90.171 m2 đất để xây dựng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.895.533.000	5.469.400.548
- Trên 1 năm đến 5 năm	15.582.132.000	23.705.602.740
- Trên 5 năm	112.970.457.000	156.486.049.726
	132.448.122.000	185.661.053.014

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	53.853,37	29.967,00

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	126.834.139.754	54.777.167.887
Doanh thu bán thành phẩm	439.128.594.292	453.235.359.532
Doanh thu bán nguyên vật liệu	238.325.125.975	48.339.074.660
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.121.321.056	3.454.751.504
	808.409.181.077	559.806.353.583
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	69.921.075.278	82.596.274.792

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	36.538.040
Giảm giá hàng bán	231	-
	231	36.538.040

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	106.349.226.169	52.258.556.495
Giá vốn của thành phẩm đã bán	324.233.948.036	337.001.796.401
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	229.506.712.216	47.724.898.051
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.984.378.973	5.146.069.654
	665.074.265.394	442.131.320.601

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	48.374.156.873	78.206.129.888
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)</i>		

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	873.238.867	1.711.263.449
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.593.641.479	2.171.335.520
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.945.491.846	-
	7.412.372.192	3.882.598.969

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.781.802.620	20.634.088.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.753.697.136	1.789.812.011
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	520.902.009
	31.535.499.756	22.944.802.367

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.144.714.643	1.356.540.665
Chi phí nhân công	7.978.780.568	11.703.049.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.702.497	82.344.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.234.913.238	20.809.809.466
Chi phí khác bằng tiền	83.607.925	-
	37.598.718.871	33.951.744.284

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	334.106.727	348.482.563
Chi phí nhân công	13.467.280.256	15.546.470.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.688.998.070	1.640.366.342
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	108.182.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.641.155.589	13.521.132.483
Chi phí khác bằng tiền	20.861.254	143.961.654
Phân bổ lợi thế thương mại	462.377.342	462.377.342
	30.621.779.238	31.770.973.513

30 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	202.747.812	-
Tiền phạt thu được	17.030.500	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	-	55.006.703
Thu nhập khác	43.045.192	-
	262.823.504	55.006.703

31 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	777.176.291	63.182.562
Chi phí khác	2.724.077.783	98
	3.501.254.074	63.182.660

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	11.609.873.160	5.823.635.589
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	1.275.346.411
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>11.609.873.160</u>	<u>7.098.982.000</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	21.370.585.921	13.474.610.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(21.205.758.029)	(13.544.170.553)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>11.774.701.052</u>	<u>7.029.422.102</u>

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	45.063.775.630	25.406.427.315
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	45.063.775.630	25.406.427.315
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	45.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.001</u>	<u>706</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.148.703.937	222.276.575.328
Chi phí nhân công	61.388.161.700	80.405.525.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.798.398.560	17.890.519.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.134.351.989	82.119.917.280
Chi phí khác bằng tiền	102.228.419	25.923.948
	<u>396.571.844.605</u>	<u>402.718.461.772</u>

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.339.596.248	-	-	5.339.596.248
Phải thu khách hàng, phải thu khác	539.857.860.955	-	-	539.857.860.955
Các khoản cho vay	66.233.739.726	3.500.000.000	-	69.733.739.726
	<u>611.431.196.929</u>	<u>3.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>614.931.196.929</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.869.633.996	-	-	9.869.633.996
Phải thu khách hàng, phải thu khác	545.605.818.556	-	-	545.605.818.556
Các khoản cho vay	22.500.000.000	3.500.000.000	-	26.000.000.000
	<u>577.975.452.552</u>	<u>3.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>581.475.452.552</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	697.289.235.107	61.545.337.103	-	758.834.572.210
Phải trả người bán, phải trả khác	289.135.725.921	1.000.000.000	-	290.135.725.921
Chi phí phải trả	20.585.769.039	-	-	20.585.769.039
	<u>1.007.010.730.067</u>	<u>62.545.337.103</u>	<u>-</u>	<u>1.069.556.067.170</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ**
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**Tại ngày 01/01/2024**

Vay và nợ	580.657.983.239	23.452.484.170	-	604.110.467.409
Phải trả người bán, phải trả khác	219.503.966.147	1.000.000.000	-	220.503.966.147
Chi phí phải trả	11.650.121.353	-	-	11.650.121.353
	811.812.070.739	24.452.484.170	-	836.264.554.909

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	369.161.243.168	188.003.595.359	251.244.342.319	808.409.180.846
Chi phí bộ phận trực tiếp	293.125.558.425	132.427.384.805	239.521.322.164	665.074.265.394
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	76.035.684.743	55.576.210.554	11.723.020.155	143.334.915.452
Tổng chi phí mua TSCĐ				8.662.332.813
Tài sản bộ phận trực tiếp	801.791.683.857	408.330.294.915	545.684.651.397	1.755.806.630.169
Tài sản không phân bổ		-	-	189.952.902.624
Tổng tài sản	801.791.683.857	408.330.294.915	545.684.651.397	1.945.759.532.793
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	534.364.913.937	272.137.248.731	363.678.917.668	1.170.181.080.336
Nợ phải trả không phân bổ		-	-	620.740.161
Tổng nợ phải trả	534.364.913.937	272.137.248.731	363.678.917.668	1.170.801.820.497

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.856.605.774	118.552.575.072	808.409.180.846
Tài sản bộ phận	-	-	1.945.759.532.793
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	8.662.332.813

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Đổi tên từ Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Óp lát Hoàng Gia. Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Phan Bá Hiệu	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ của ông Đinh Việt Anh
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/07/2024)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/07/2024)
Ông Phạm Hữu Phú	Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
	Phó Giám đốc Công ty con

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất Q2 và giữa niên độ
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	69.921.075.278	82.596.274.792
Công ty Cổ phần Vinagres	20.816.314.621	45.087.598.558
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	1.197.600	26.489.659.619
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	27.065.903.526	2.098.549.166
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	9.733.309	403.920
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	14.364.130.555	8.920.063.529
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	7.663.795.667	-
Mua hàng	48.374.156.873	78.206.129.888
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	32.811.625.323	43.517.689.870
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.050.195.550	20.233.356.143
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	787.940.000	-
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	13.724.396.000	14.455.083.875

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, HĐQT		
Ông Đinh Việt Anh	460.063.470	467.076.960
Ông Trịnh Xuân Hùng	402.713.050	408.692.350
Ông Phan Bá Hiệu	360.869.460	386.572.160
Ông Trương Văn Việt	360.262.440	366.100.627
Ông Phạm Đình Hoàng	275.194.450	359.253.890
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	279.781.330	295.949.200

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.






Nguyễn Minh Tấn **Nguyễn Thị Kim Loan** **Trương Văn Việt**
 Người lập Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 07 năm 2024